

PHỤ LỤC VI

BỔ SUNG DANH MỤC, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN  
VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 đã giao					KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Nguyên nhân điều chỉnh KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	Chủ đầu tư				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số	Trong đó	KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025	Tổng số	KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)				KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025	
																												Tổng số
	<b>TỔNG SỐ</b>						<b>7.639.496</b>	<b>3.191.193</b>		<b>7.724.667</b>	<b>3.193.736</b>	<b>1.348.822</b>	<b>218.123</b>	<b>2.058.606</b>	<b>471.000</b>	<b>386.705</b>	<b>409.182</b>	<b>422.036</b>	<b>369.683</b>	<b>2.149.089</b>	<b>471.000</b>	<b>386.705</b>	<b>409.182</b>	<b>422.036</b>	<b>460.166</b>			
<b>I</b>	<b>NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN</b>						<b>163.446</b>	<b>122.446</b>		<b>162.614</b>	<b>121.614</b>	<b>69.600</b>	<b>24.600</b>	<b>33.503</b>	<b>12.388</b>	<b>17.153</b>	<b>0</b>	<b>3.962</b>	<b>0</b>	<b>33.503</b>	<b>12.388</b>	<b>17.153</b>	<b>0</b>	<b>3.962</b>	<b>0</b>			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						144.735	103.735		144.660	103.660	69.600	24.600	17.388	12.388	5.000	0	0	0	17.388	12.388	5.000	0	0	0			
a	Dự án nhóm C						7.942	7.942		7.867	7.867	5.000	5.000	2.388	2.388	0	0	0	0	2.388	2.388	0	0	0	0			
1	Dự án đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	7626031	Các huyện: NC, PT, TVT	Các hạng mục lâm sinh và HTKT	2019 - 2021	795/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	7.942	7.942	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867	5.000	5.000	2.388	2.388					2.388	2.388							Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
b	Dự án nhóm B						136.793	95.793		136.793	95.793	64.600	19.600	15.000	10.000	5.000	0	0	0	15.000	10.000	5.000	0	0	0			
1	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7599744	Các huyện: U Minh, Trần Văn Thời, Ngọc Hiển	299 ha	2016 - 2021	130/NQ-HĐND ngày 28/6/2016; 306/NQ-HĐND ngày 09/10/2017; 14/NQ-HĐND ngày 09/10/2020	73.733	47.733	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2095/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	73.733	47.733	41.600	11.600	10.000	10.000					10.000	10.000							Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	7578614	H. U Minh	Các hạng mục công trình	2016 - 2022	265/HĐND-TT ngày 30/10/2015; 314/HĐND-TT ngày 10/10/2017	63.060	48.060	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019; 5053/UBND-XD ngày 03/9/2021	63.060	48.060	23.000	8.000	5.000		5.000				5.000		5.000						Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						18.711	18.711		17.954	17.954	0	0	16.115	0	12.153	0	3.962	0	16.115	0	12.153	0	3.962	0			
a	Dự án nhóm C						18.711	18.711		17.954	17.954	0	0	16.115	0	12.153	0	3.962	0	16.115	0	12.153	0	3.962	0			
1	Trạm kiểm soát khu vực bãi bồi Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	7895105	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2021 - 2022	48/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	7.010	7.010	189/QĐ-SXD ngày 14/10/2021	7.008	7.008	0	0	6.500		6.500				6.500		6.500						Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
2	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn lên cầu công kênh Lý, bờ kè chống sạt lở hai bên bờ kênh thượng hạ lưu công kênh Lý, cầu Lung Úng, bãi tránh xe tuyến đê Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7875797	H. Đầm Dơi	Các hạng mục công trình	2021 - 2022	2427/QĐ-UBND ngày 17/12/2020	5.445	5.445	1646/QĐ-SNN ngày 08/10/2021	5.050	5.050	0	0	5.000		5.000				5.000		5.000						Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
3	Nạo vét tuyến kênh đoạn từ Đới cơ động quản lý bảo vệ rừng đến Đới quản lý bảo vệ rừng T21 Vườn Quốc gia U Minh hạ	7951820	H. Trần Văn Thời	4,5 km	2021 - 2023	1517/QĐ-UBND ngày 11/8/2021	1.326	1.326	2038/QĐ-SNN ngày 18/11/2021	1.051	1.051	0	0	653		653				653		653						Vườn Quốc gia U Minh hạ
4	Dự án đầu tư lưới điện đến các đội thuộc Vườn Quốc gia U Minh Hạ		Các huyện: UM, TVT	Tuyến trung thế 1 pha 7.111m và 03 trạm biến	2023 - 2025	1907/QĐ-UBND ngày 27/10/2023	4.930	4.930	110/QĐ-SCT ngày 14/11/2023	4.845	4.845			3.962			3.962			3.962			3.962					Vườn Quốc gia U Minh hạ
<b>II</b>	<b>GIAO THÔNG</b>						<b>4.466.514</b>	<b>810.820</b>		<b>4.380.612</b>	<b>734.997</b>	<b>882.038</b>	<b>42.038</b>	<b>315.833</b>	<b>79.378</b>	<b>36.646</b>	<b>72.500</b>	<b>26.000</b>	<b>101.309</b>	<b>378.876</b>	<b>79.378</b>	<b>36.646</b>	<b>72.500</b>	<b>26.000</b>	<b>164.352</b>			
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						1.227.781	187.781		1.155.455	115.455	881.129	41.129	43.510	7.510	0	36.000	0	0	43.510	7.510	0	36.000	0	0			
a	Dự án nhóm B						1.159.718	119.718		1.089.849	49.849	841.450	1.450	36.000	0	0	36.000	0	0	36.000	0	0	36.000	0	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	7618350	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn	Phần đường dài 25,94km đường (gồm 18 cầu, 01 cống); cầu Cái Nai dài 631m	2017 - 2022	49/HĐND-TT ngày 20/02/2017; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; 1419/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	1.159.718	119.718	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 2773/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.089.849	49.849	841.450	1.450	36.000		36.000				36.000		36.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
b	Dự án nhóm C						68.063	68.063		65.606	65.606	39.679	39.679	7.510	7.510	0	0	0	0	7.510	7.510	0	0	0	0			
1	Dự án đầu tư xây dựng đường đụt nối từ Quốc lộ 63 (Đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường Văn hóa trung tâm (khu C), thành phố Cà Mau	7524410	TP. Cà Mau	Công trình giao thông (đường đô thị), cấp III	2019 - 2021	1672/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1871/QĐ-UBND ngày 13/11/2018	42.400	42.400	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 66/QĐ-UBND ngày 16/01/2019	40.482	40.482	22.381	22.381	2.010	2.010					2.010	2.010							Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 đã giao					KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Nguyên nhân điều chỉnh KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	Chủ đầu tư					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó									
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)						KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025	KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)		KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023				Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025			
																													Tổng số	TMDT	TMDT
2	Tuyến đường Bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	H. Phú Tân	Công trình giao thông, cấp III	2019 - 2022	1736/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 968/QĐ-UBND ngày 01/6/2020; 1999/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	25.663	25.663	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020; 224/QĐ-SXD ngày 29/10/2021	25.124	25.124	17.298	17.298	5.500	5.500							5.500	5.500							Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
(2)	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>						<b>3.238.733</b>	<b>623.039</b>		<b>3.225.157</b>	<b>619.542</b>	<b>909</b>	<b>909</b>	<b>272.323</b>	<b>71.868</b>	<b>36.646</b>	<b>36.500</b>	<b>26.000</b>	<b>101.309</b>	<b>335.366</b>	<b>71.868</b>	<b>36.646</b>	<b>36.500</b>	<b>26.000</b>	<b>164.352</b>						
a	<b>Dự án nhóm A</b>						<b>863.000</b>	<b>139.670</b>		<b>863.000</b>	<b>139.670</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>139.670</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>139.670</b>					
1	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau		TP. Cà Mau	105,53ha	2024 - 2025	22/NQ-HĐND ngày 11/11/2024	863.000	139.670		863.000	139.670										139.670					139.670	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV) là nhà đầu tư (như cầu kế hoạch vốn còn lại được bố trí từ nguồn xổ số kiến thiết)		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau		
b	<b>Dự án nhóm B</b>						<b>2.159.555</b>	<b>268.391</b>		<b>2.149.476</b>	<b>268.391</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>76.627</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>				
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu sông Gành Hào	7875095	Các huyện: ĐD, CN, TVT	18 km; 02 cầu lớn	2021 - 2024	977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	2.159.555	268.391	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	268.391	0	0	76.627							0					76.627	0	Do đấu thầu giảm giá và cắt giảm một số chi phí không sử dụng (như cầu vốn ngân sách tỉnh để thực hiện hoàn thành dự án đã bố trí từ nguồn vốn xổ số kiến thiết)		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
b	<b>Dự án nhóm C</b>						<b>216.178</b>	<b>214.978</b>		<b>212.681</b>	<b>211.481</b>	<b>909</b>	<b>909</b>	<b>195.696</b>	<b>71.868</b>	<b>36.646</b>	<b>36.500</b>	<b>26.000</b>	<b>24.682</b>	<b>195.696</b>	<b>71.868</b>	<b>36.646</b>	<b>36.500</b>	<b>26.000</b>	<b>24.682</b>						
1	Công trình mở rộng tuyến đường thị trấn Thới Bình (từ đường Hành lang ven biển phía Nam đến giáp ranh xã Thới Bình) và xây dựng tuyến đường bờ Nam kênh Láng Trám, khóm 3, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	7883949	H. Thới Bình	2.732 m	2021 - 2022	6290/UBND-XD ngày 28/10/2020	6.000	4.800	5474/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	6.000	4.800	0	0	3.790	3.790						3.790	3.790								Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình	
2	Dự án đầu tư mở rộng tuyến đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển (đoạn từ cầu kênh Huê đến đường vào Cảng cá Rạch Gốc)	7868692	H. Ngọc Hiển	2.150 m	2021 - 2023	1565/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	13.613	13.613	389/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	13.607	13.607	0	0	12.846	8.000	4.846					12.846	8.000	4.846							Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường từ cầu 7 Kênh (tuyến kênh 18) đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm	7639406	H. U Minh	3.016 m	2021 - 2023	1418/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	49.705	49.705	2255/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	49.703	49.703	669	669	43.078	25.078	16.500	1.500				43.078	25.078	16.500	1.500						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ràng - Sông Đốc đoạn qua nội ô thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ràng đến đường số 11)	7817444	H. TVT	693 m	2021 - 2023	1792/QĐ-UBND ngày 18/10/2019; 1919/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	61.858	61.858	2081/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.441	59.441	240	240	54.000	35.000	15.000	4.000				54.000	35.000	15.000	4.000						Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cầu Kênh Xáng Cái Nước - Vàm Đình, huyện Cái Nước và huyện Phú Tân	7971829	Huyện Cái Nước và huyện Phú Tân	82 m	2022 - 2024	2795/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	14.948	14.948	3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	14.948	14.948			13.000			13.000				13.000									Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước	
6	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông Vườn Quốc gia U Minh hạ	7952488	H. TVT, UM	13,26km	2021 - 2024	2367/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	70.054	70.054	1840/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	68.982	68.982	0	0	68.982	300	18.000	26.000	24.682			68.982	300	18.000	26.000	24.682					Dự án dự kiến đến hết tháng 12 mới được điều chỉnh Quyết định đầu tư; nhu cầu đủ điều kiện bố trí Kế hoạch vốn năm 2025 theo Quyết định đầu tư hiện tại là khoảng 4 tỷ đồng	Vườn Quốc gia U Minh hạ
III	<b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>						<b>118.969</b>	<b>94.555</b>		<b>309.437</b>	<b>285.023</b>	<b>57.809</b>	<b>57.809</b>	<b>84.670</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>29.870</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>	<b>84.670</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>29.870</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>						
(1)	<b>Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang</b>						<b>0</b>	<b>0</b>		<b>191.301</b>	<b>191.301</b>	<b>57.809</b>	<b>57.809</b>	<b>10.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>	<b>10.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>						
a	<b>Dự án nhóm B</b>						<b>0</b>	<b>0</b>		<b>191.301</b>	<b>191.301</b>	<b>57.809</b>	<b>57.809</b>	<b>10.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>	<b>10.300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>9.000</b>	<b>1.300</b>	<b>0</b>						
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	TP Cà Mau	1.410 m	2017 - 2023	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017; 7858/UBND-XD ngày 17/11/2022				191.301	191.301	57.809	57.809	10.300		9.000	1.300				10.300			9.000	1.300					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
(2)	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>						<b>118.969</b>	<b>94.555</b>		<b>118.136</b>	<b>93.722</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>74.370</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>20.870</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>74.370</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>20.870</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
a	<b>Dự án nhóm C</b>						<b>118.969</b>	<b>94.555</b>		<b>118.136</b>	<b>93.722</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>74.370</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>20.870</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>74.370</b>	<b>9.500</b>	<b>44.000</b>	<b>20.870</b>	<b>0</b>	<b>0</b>						
1	Công trình nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường số 06, 07, 08 khu vực xung quanh Trung tâm Hội nghị	7898665	TP. Cà Mau	612 m	2021 - 2022	1135/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	12.411	12.411	1399QĐ-UBND ngày 12/4/2021	12.411	12.411	0	0	9.500	9.500						9.500	9.500								Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 đã giao					KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Nguyên nhân điều chỉnh KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	Chủ đầu tư				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT						KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025		KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)				KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025
2	Đầu tư các hạng mục dở dang của các gói thầu thuộc Dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long - Tiểu dự án thành phố Cà Mau	7906494; 7894284; 7904526; 7899202; 7899204	TP. Cà Mau	06 hạng mục	2021 - 2022	1885/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; 1053/QĐ-UBND ngày 23/3/2021; 5341/QĐ-UBND ngày 09/11/2017; 1056/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 169/QĐ-UBND ngày 14/01/2021; 1054/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	37.328	18.859	2968/QĐ-UBND ngày 26/8/2021; 1853/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 267/QĐ-UBND ngày 18/01/2021; 2170/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; 1307/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 2002/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; 2938/UBND-DT ngày 27/10/2021	37.328	18.859	0	0	12.000		12.000												Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau		
3	Công trình xây dựng tuyến đường số 2 theo quy hoạch thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Huỳnh Khai đến hết ranh quy hoạch thị trấn Rạch Gốc), huyện Ngọc Hiển	7902523	H. Ngọc Hiển	300 m	2021 - 2023	796/QĐ-UBND ngày 26/3/2021	11.516	11.516	1391/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	11.072	11.072	0	0	9.000		9.000											Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển			
4	Công trình xây dựng tuyến đường số 5 theo quy hoạch trung tâm xã Đất Mũi (đoạn từ cầu Lạch Vàm đến UBND xã Đất Mũi), huyện Ngọc Hiển	7902924	H. Ngọc Hiển	550 m	2021 - 2023	1087/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	13.000	13.000	1393/QĐ-UBND ngày 09/6/2021	12.614	12.614	0	0	10.000		10.000												Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển		
5	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ đường Phan Ngọc Hiển đầu nối vào Dự án Khu dân cư Minh Thắng)	7890565	TP. Cà Mau	293m	2021 - 2023	170/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Cà Mau	29.724	23.779	1854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Cà Mau	29.724	23.779	0	0	22.379		13.000	9.379											Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau		
6	Cầu Lộ 18, khóm 5, thị trấn Đầm Dơi	7988963	TT Đầm Dơi	0,5HL-93	2022 - 2024	691/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	14.990	14.990	693/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	14.987	14.987			11.491			11.491											Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		
<b>IV</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>						<b>591.817</b>	<b>248.371</b>		<b>591.803</b>	<b>155.599</b>	<b>35.506</b>	<b>8.554</b>	<b>20.177</b>	<b>10.500</b>	<b>7.700</b>	<b>1.977</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>20.177</b>	<b>10.500</b>	<b>7.700</b>	<b>1.977</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						567.973	224.527		567.973	131.769	35.268	8.316	500	500	0	0	0	0	500	500	0	0	0	0					
a	Dự án nhóm B						567.973	224.527		567.973	131.769	35.268	8.316	500	500	0	0	0	0	500	500	0	0	0	0					
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	TP. Cà Mau	Hệ thống thoát nước; nhà máy xử lý nước thải	Đến hết tháng 9 năm 2023	480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.973	224.527	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	131.769	35.268	8.316	500	500					500	500							Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						23.844	23.844		23.830	23.830	238	238	19.677	10.000	7.700	1.977	0	0	19.677	10.000	7.700	1.977	0	0					
a	Dự án nhóm C						23.844	23.844		23.830	23.830	238	238	19.677	10.000	7.700	1.977	0	0	19.677	10.000	7.700	1.977	0	0					
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Cà Mau	7817445	TP. Cà Mau	Công trình HTKT cấp III	2021 - 2023	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844	23.844	2063/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	23.830	23.830	238	238	19.677	10.000	7.700	1.977			19.677	10.000	7.700	1.977					Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
<b>V</b>	<b>KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ</b>						<b>214.317</b>	<b>49.749</b>		<b>214.298</b>	<b>49.730</b>	<b>165.299</b>	<b>300</b>	<b>41.837</b>	<b>41.837</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>41.837</b>	<b>41.837</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang						174.512	9.944		174.512	9.944	164.999	0	5.005	5.005	0	0	0	0	5.005	5.005	0	0	0	0					
a	Dự án nhóm B						174.512	9.944		174.512	9.944	164.999	0	5.005	5.005	0	0	0	0	5.005	5.005	0	0	0	0					
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính Bắc - Nam Khu kinh tế Năm Căn, tỉnh Cà Mau (giai đoạn 1)	7554504	H. Năm Căn	4.310 m	2015 - 2021	10/NQ-HĐND ngày 19/3/2021	174.512	9.944	1682/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1125/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	174.512	9.944	164.999	0	5.005	5.005					5.005	5.005							Ban Quản lý Khu kinh tế		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						39.805	39.805		39.786	39.786	300	300	36.832	36.832	0	0	0	0	36.832	36.832	0	0	0	0					
a	Dự án nhóm C						39.805	39.805		39.786	39.786	300	300	36.832	36.832	0	0	0	0	36.832	36.832	0	0	0	0					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An	7846650	H. U Minh	1.964 m	2020 - 2022	1382/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	39.805	39.805	1983/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	39.786	39.786	300	300	36.832	36.832					36.832	36.832							Ban Quản lý Khu kinh tế		
<b>VI</b>	<b>KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ</b>						<b>9.295</b>	<b>5.624</b>		<b>9.290</b>	<b>5.624</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.439</b>	<b>5.439</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.439</b>	<b>5.439</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>					
(1)	Các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025						9.295	5.624		9.290	5.624	0	0	5.439	5.439	0	0	0	0	5.439	5.439	0	0	0	0					
a	Dự án nhóm C						9.295	5.624		9.290	5.624	0	0	5.439	5.439	0	0	0	0	5.439	5.439	0	0	0	0					
1	Dự án đầu tư tăng cường năng lực thử nghiệm đáp ứng yêu cầu quản lý của địa phương	7886073	TP. Cà Mau	Mua sắm thiết bị	2020 - 2021	659/QĐ-UBND ngày 17/4/2020	9.295	5.624	1706/QĐ-UBND ngày 09/9/2020	9.290	5.624	0	0	5.439	5.439					5.439	5.439							Sở Khoa học và Công nghệ		
<b>VII</b>	<b>CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>						<b>80.503</b>	<b>80.503</b>		<b>80.503</b>	<b>80.503</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>70.731</b>	<b>10.000</b>	<b>17.056</b>	<b>21.356</b>	<b>22.319</b>	<b>0</b>	<b>70.731</b>	<b>10.000</b>	<b>17.056</b>	<b>21.356</b>	<b>22.319</b>	<b>0</b>					
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025						80.503	80.503		80.503	80.503	0	0	70.731	10.000	17.056	21.356	22.319	0	70.731	10.000	17.056	21.356	22.319	0					
a	Dự án nhóm C						80.503	80.503		80.503	80.503	0	0	70.731	10.000	17.056	21.356	22.319	0	70.731	10.000	17.056	21.356	22.319	0					





TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 đã giao					KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Nguyên nhân điều chỉnh KHDTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	Chủ đầu tư		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)						KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025	KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)		KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023				Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025
40	Trụ sở hành chính thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2024 - 2025	350/QĐ-UBND ngày 24/02/2021	9.983	9.983		9.983	9.983				4.000					0				Chưa phê duyệt dự án nên không đủ điều kiện bố trí Kế hoạch vốn năm 2025	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
42	Trụ sở hành chính thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	7926103	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2022 - 2024	1907/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.900	14.900	220/QĐ-SXD ngày 28/10/2021	14.900	14.900			14.500	500	4.000				4.500	500	4.000			Dự án có thay đổi vị trí, phạm vi đầu tư, phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án mới đủ điều kiện bố trí kế hoạch vốn	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
41	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở Đoàn nghệ thuật Khmer	8014122	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2023 - 2025	198/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	13.976	13.976	80/QĐ-SXD ngày 29/02/2024	13.976	13.976			12.044		3.000	9.044		12.044			3.000	9.044			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
43	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân	7891444	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2023 - 2025	2041/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 3117/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	14.997	14.997	404/QĐ-SXD ngày 09/11/2023	14.997	14.997			14.228	228		10.000	4.000		14.228	228		10.000	4.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
44	Dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình thuộc Khu làm việc Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2023 - 2025	1246/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	20.000	20.000	2034/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	20.000	20.000			20.000		15.000	5.000		20.000			15.000	5.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn		
45	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi		H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2025 - 2027	351/QĐ-UBND ngày 24/02/2021; 2211/QĐ-UBND ngày 11/1/2024	14.158	14.158		14.158	14.158			5.000								5.000			Chờ phê duyệt dự án (dự kiến phê duyệt trong tháng 11)	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
46	Dự án đầu tư cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Cà Mau		TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2024 - 2025	1005/QĐ-UBND ngày 22/5/2024; 2172/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	21.480	21.480		21.480	21.480									20.000				20.000		Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn để triển khai thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
<b>IX</b>	<b>QUỐC PHÒNG, AN NINH</b>						<b>315.781</b>	<b>178.881</b>		<b>313.065</b>	<b>176.165</b>	<b>15.100</b>	<b>15.100</b>	<b>152.829</b>	<b>18.064</b>	<b>36.787</b>	<b>33.000</b>	<b>51.978</b>	<b>13.000</b>	<b>152.829</b>	<b>18.064</b>	<b>36.787</b>	<b>33.000</b>	<b>51.978</b>	<b>13.000</b>			
(1)	<b>Các dự án giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang</b>						<b>49.993</b>	<b>29.993</b>		<b>49.993</b>	<b>29.993</b>	<b>15.100</b>	<b>15.100</b>	<b>13.709</b>	<b>7.789</b>	<b>5.920</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>13.709</b>	<b>7.789</b>	<b>5.920</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bắn, Thao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	H. U Minh	Các hạng mục	2019 - 2021	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018; 697/QĐ-TM ngày 22/4/2020	26.000	6.000	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018; 697/QĐ-TM ngày 22/4/2020	26.000	6.000	5.000	5.000	89	89					89	89						Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng một số hạng mục tại các Trạm kiểm soát Biên phòng Đá Bạc, Bò Đề, Hồ Gù và Khánh Hội	7004686	Các huyện: TVT, NH, ĐD, UM	Công trình dân dụng cấp III	2019 - 2022	1758/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2452/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	23.993	23.993	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1257/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	23.993	23.993	10.100	10.100	13.620	7.700	5.920				13.620	7.700	5.920					Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
(2)	<b>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025</b>						<b>265.788</b>	<b>148.888</b>		<b>263.072</b>	<b>146.172</b>			<b>139.120</b>	<b>10.275</b>	<b>30.867</b>	<b>33.000</b>	<b>51.978</b>	<b>13.000</b>	<b>139.120</b>	<b>10.275</b>	<b>30.867</b>	<b>33.000</b>	<b>51.978</b>	<b>13.000</b>			
<i>a</i>	<b>Dự án nhóm B</b>						<b>247.261</b>	<b>130.361</b>		<b>246.909</b>	<b>130.009</b>			<b>123.585</b>	<b>10.075</b>	<b>22.032</b>	<b>28.000</b>	<b>50.478</b>	<b>13.000</b>	<b>123.585</b>	<b>10.075</b>	<b>22.032</b>	<b>28.000</b>	<b>50.478</b>	<b>13.000</b>			
1	Dự án thuộc lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội	7004692	Các H, TP	40 trụ sở	2021 - 2025	2094/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	80.261	80.261	2094/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	79.909	79.909			73.485	10.075	22.032	23.000	18.378		73.485	10.075	22.032	23.000	18.378			Công an tỉnh Cà Mau	
2	Dự án thuộc lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội	7004692	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2025	8590/QĐ-BCA-H01 ngày 22/10/2021	167.000	50.100	4647/QĐ-BCA-H02 ngày 21/6/2022	167.000	50.100			50.100		5.000	32.100	13.000		50.100		5.000	32.100	13.000			Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định về quản lý dự án theo chế độ mật	
<i>b</i>	<b>Dự án nhóm C</b>						<b>18.527</b>	<b>18.527</b>		<b>16.163</b>	<b>16.163</b>			<b>15.535</b>	<b>200</b>	<b>8.835</b>	<b>5.000</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>	<b>15.535</b>	<b>200</b>	<b>8.835</b>	<b>5.000</b>	<b>1.500</b>	<b>0</b>			
1	Dự án đầu tư xây dựng bờ kè, nhà để ca nô đồn Biên phòng Khánh Hội và bờ kè khu đất nhà ca nô sau cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	7004686	TP.CM, H. U Minh	128,5 m	2021 - 2023	47/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	3.752	3.752	865/QĐ-UBND ngày 11/6/2021	3.573	3.573			3.535	200	3.335				3.535	200	3.335					Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng Hội trường Trung Đoàn BB896	7004686	H. Cái Nước	Các hạng mục	2021 - 2023	2001/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	5.669	5.669	250/QĐ-SXD ngày 10/11/2021	5.664	5.664			5.500		5.500				5.500		5.500					Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Sân lắp mặt bằng Trường bắn, thao trường huấn luyện tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2) tại xã Khánh Lâm, huyện U Minh	7004686	H. U Minh	38.504m2	2022 - 2024	1353/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	9.106	9.106	261/QĐ-SXD ngày 30/9/2022	6.926	6.926			6.500		5.000	1.500			6.500		5.000	1.500				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
X	<b>QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050</b>	7783650	Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch	2020 - 2022	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	475	475	39.608	15.758	550	23.300			39.608	15.758	550	23.300				Sở Kế hoạch và Đầu tư	
XI	<b>QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH NÔNG THÔN</b>		Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch	2021 - 2025	Các quyết định	86.334	86.334	Các quyết định	86.334	86.334			71.334	23.651	10.618	8.853	28.212		86.334	23.651	10.618	8.853	28.212	15.000		Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai (kể cả hỗ trợ cho các huyện, thành phố)	
XII	<b>THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN; THU HỒI CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; DỰ ÁN KHÔNG GIẢI NGÂN HẾT VỐN</b>						74.976	74.976		74.976	74.976			68.576	14.843	33.875	9.106	10.752		74.976	14.843	33.875	9.106	10.752	6.400		Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính tham mưu phân khai sử dụng theo đúng quy định	
XIII	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>						3.850	3.850		3.850	3.850			3.850		850	500	2.500		3.850		850	500	2.500			Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định	
XIV	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>						56.740	56.740		56.740	56.740			54.000		13.500	13.500	14.870	12.130	56.740		13.500	13.500	14.870	14.870		Điều chỉnh theo tỷ giá tại thời điểm trả nợ	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 đã giao					KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh					Nguyên nhân điều chỉnh KHĐTC trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	Chủ đầu tư		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)	KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)						KH vốn năm 2023	Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025	KH vốn năm 2021 (bao gồm năm 2021 chuyển sang năm 2022)		KH vốn năm 2022 (bao gồm năm 2022 chuyển sang năm 2023)	KH vốn năm 2023				Dự kiến KH vốn năm 2024	Dự kiến KH vốn năm 2025
XV	<b>CẤP VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH</b> (Quy <sup>1</sup> Đầu tư phát triển tỉnh 16.551 triệu đồng; Quỹ Hội nông dân 10.000 triệu đồng; Quỹ Phát triển Hợp tác xã 6.500 triệu đồng)						33.051	33.051		33.051	33.051			28.051				23.051	5.000	33.051				23.051	10.000	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển Hợp tác xã 05 tỷ đồng theo Đề án sắp xếp lại tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Cà Mau được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 20/6/2024		Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sử dụng theo đúng quy định
XVI	<b>ỦY THÁC QUA CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỂ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH</b>						85.000	68.000		85.000	68.000			68.000				68.000		68.000				68.000				Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý sử dụng theo đúng quy định

\* Ghi chú: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cập nhật thông tin chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục ngân sách theo quy định đối với từng dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.